

DANH SÁCH CA THI, PHÒNG THI, SỐ BÁO DANH DỰ THI - VÒNG 1
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP THUỘC QUẬN HOÀNG MAI - NĂM 2024
(Kèm theo Thông báo số...39.../TB-HĐTD ngày 23/9/2024 của HĐTD viên chức quận Hoàng Mai)

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
1	01	1	VC0001	Thân Quốc Anh	14/02/1999	Nam	Bắc Giang	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	THCS Thịnh Liệt		
1	01	2	VC0002	Võ Thị Vân Anh	13/9/1991	Nữ	Nghệ An	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	THCS Tân Mai		
1	01	3	VC0003	Đỗ Thu Hà	23/6/1998	Nữ	Tuyên Quang	ĐH	Biểu diễn âm nhạc + CCSP	GV	Âm nhạc	THCS Hoàng Liệt		
1	01	4	VC0004	Trần Thị Hoài	01/4/2000	Nữ	Ninh Bình	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	THCS Trần Phú		
1	01	5	VC0005	Phạm Hương Linh	04/10/1998	Nữ	Liên Bảo, Vĩnh Yên	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	THCS Hoàng Liệt		
1	01	6	VC0006	Bùi Thị Lý	20/11/1997	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	THCS Tân Mai		
1	01	7	VC0007	Phạm Thị Bích Ngọc	06/8/1996	Nữ	Hà Nam	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	THCS Tân Mai		
1	01	8	VC0008	Lê Thị Thoa	04/02/1989	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	THCS Tân Mai	CTB	
1	01	9	VC0009	Nguyễn Thu Trang	05/9/1988	Nữ	Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	THCS Tân Mai		
1	01	10	VC0010	Phạm Thị Lan Anh	20/12/1998	Nữ	Hưng Yên	ĐH	Sư phạm Địa lí	GV	Địa	THCS Linh Đàm		
1	01	11	VC0011	Lại Ngọc Ánh	27/02/1997	Nữ	Phú Xuyên, Phú Xuyên	ĐH	Sư phạm Địa lí	GV	Địa	THCS Hoàng Liệt		
1	01	12	VC0012	Đặng Thị Dung	08/10/1993	Nữ	Văn Phú, Thường Tín	ĐH	Sư phạm Địa lí	GV	Địa	THCS Hoàng Liệt		
1	01	13	VC0013	Nguyễn Thị Dung	22/5/1989	Nữ	Thái Bình	ĐH	Sư phạm Địa lí	GV	Địa	THCS Linh Đàm		
1	01	14	VC0014	Nguyễn Thị Kim Dung	02/5/1987	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Địa lí	GV	Địa	THCS Linh Đàm		

ch 11

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
1	01	15	VC0015	Nguyễn Thị Hà	02/3/1988	Nữ	Đại Hưng, Mỹ Đức	ĐH	Sư phạm Địa lí	GV	Địa	THCS Vĩnh Hưng		
1	01	16	VC0016	Trần Thị Hiền	10/3/1998	Nữ	Phú Xuyên, Phú Xuyên	ĐH	Sư phạm Địa lí	GV	Địa	THCS Linh Đàm		
1	01	17	VC0017	Lương Thị Hoa	09/10/1990	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức	ĐH	Sư phạm Địa lí	GV	Địa	THCS Linh Đàm		
1	01	18	VC0018	Nguyễn Tiến Hoàng	24/8/2000	Nam	Xuân Nộn, Đông Anh	ĐH	Sư phạm Địa lí	GV	Địa	THCS Tân Mai		
1	01	19	VC0019	Nguyễn Hoàng Ngân	25/12/2000	Nữ	Trạch Mỹ Lộc, Phúc Thọ	ĐH	Sư phạm Địa lí	GV	Địa	THCS Linh Đàm		
1	01	20	VC0020	Giàng A Phú	30/4/2000	Nam	Sơn La	ĐH	Sư phạm Địa lí	GV	Địa	THCS Thịnh Liệt	DTTS	
1	01	21	VC0021	Nguyễn Ngọc Tâm	29/5/1998	Nữ	Bạch Mai, Hai Bà Trưng	ĐH	Sư phạm Địa lí	GV	Địa	THCS Tân Định		
1	01	22	VC0022	Nguyễn Thị Thủy	09/3/1991	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ	ĐH	Sư phạm Địa lí	GV	Địa	THCS Trần Phú		
1	02	1	VC0023	Bùi Hải Yến	17/5/2002	Nữ	Tuyên Quang	ĐH	Sư phạm Địa lí	GV	Địa	THCS Linh Đàm	DTTS	
1	02	2	VC0024	Nguyễn Thị Thu Hạnh	19/4/1994	Nữ	Vĩnh Phúc	ĐH	Giáo dục công dân	GV	GDCD	THCS Thanh Trì		
1	02	3	VC0025	Đặng Thị Thu Hằng	19/02/1995	Nữ	Duyên Hà, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục công dân	GV	GDCD	THCS Linh Đàm		
1	02	4	VC0026	Đỗ Trung Hiếu	06/12/2001	Nam	Yên Mỹ, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục công dân	GV	GDCD	THCS Lĩnh Nam		
1	02	5	VC0027	Đỗ Thị Thu Hương	14/01/1997	Nữ	Vân Hòa, Ba Vì	ĐH	Giáo dục công dân	GV	GDCD	THCS Tân Mai	DTTS	
1	02	6	VC0028	Lê Thị Lệ	05/9/1997	Nữ	Thái Nguyên	ĐH	Giáo dục công dân	GV	GDCD	THCS Tân Mai		
1	02	7	VC0029	Trần Khánh Linh	02/01/2002	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục công dân	GV	GDCD	THCS Hoàng Liệt		
1	02	8	VC0030	Vũ Xuân Quỳnh	07/11/1997	Nữ	Nam Tiến, Phú Xuyên	ĐH	Giáo dục chính trị	GV	GDCD	THCS Tân Mai		

Handwritten signature

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
1	02	9	VC0031	Đặng Đình Sơn	05/12/1996	Nam	Sơn Lộc, Sơn Tây	ĐH	Giáo dục chính trị	GV	GDCD	THCS Hoàng Liệt		
1	02	10	VC0032	Bùi Mạnh Tấn	01/9/2001	Nam	Nam Định	ĐH	Giáo dục công dân	GV	GDCD	THCS Đại Kim		
1	02	11	VC0033	Nguyễn Thị Thanh Thúy	08/7/2002	Nữ	Thái Bình	ĐH	Giáo dục công dân	GV	GDCD	THCS Tân Mai		
1	02	12	VC0034	Đàm Thùy Trang	14/02/2001	Nữ	Yên Mỹ, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục công dân	GV	GDCD	THCS Hoàng Liệt		
1	02	13	VC0035	Lê Thị Huyền Trang	03/10/1997	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân	ĐH	Giáo dục công dân	GV	GDCD	THCS Vĩnh Hưng		
1	02	14	VC0036	Nguyễn Thùy Trang	14/8/1998	Nữ	Xuân Đình, Phúc Thọ	ĐH	Giáo dục chính trị	GV	GDCD	THCS Đại Kim		
1	02	15	VC0037	Nguyễn Thị Vê	02/3/2001	Nữ	Bắc Giang	ĐH	Giáo dục công dân	GV	GDCD	THCS Linh Đàm		
1	02	16	VC0038	Lăng Văn Đàm	26/8/1995	Nam	Bắc Ninh	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	THCS Lĩnh Nam	DTTS	
1	02	17	VC0039	Nguyễn Văn Đạt	04/12/1998	Nam	Quảng Ninh	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	THCS Thanh Trì		
1	02	18	VC0040	Lê Thị Hồng	24/4/2002	Nữ	Thanh Hóa	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	THCS Trần Phú	DTTS	
1	02	19	VC0041	Nguyễn Hữu Huân	16/6/1995	Nam	Tứ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	THCS Hoàng Liệt		
1	02	20	VC0042	Nguyễn Thị Khanh	06/02/1987	Nữ	Đồng Mai, Hà Đông	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	THCS Đại Kim		
1	02	21	VC0043	Nguyễn Thị Phương Lan	14/8/1994	Nữ	Thái Bình	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	THCS Đại Kim		
1	02	22	VC0044	Hoàng Thị Ngà	17/11/2001	Nữ	Nam Định	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	THCS Trần Phú		
1	02	23	VC0045	Hoàng Anh Tuấn	18/5/1996	Nam	Nghiêm Xuyên, Thường Tín	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	THCS Đại Kim		
1	02	24	VC0046	Bùi Chí Thọ	28/5/2000	Nam	Hòa Bình	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	THCS Đại Kim		

Handwritten signature

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
1	02	25	VC0047	Đặng Phương Thơm	22/8/1994	Nữ	Ninh Bình	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	THCS Tân Mai		
1	02	26	VC0048	Đỗ Thùy Trang	16/11/2000	Nữ	Nam Định	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	THCS Đại Kim		
1	02	27	VC0049	Nguyễn Văn Khánh Truong	05/10/1996	Nam	Phụng Châu, Chương Mỹ	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	THCS Đại Kim		
1	02	28	VC0050	Nguyễn Đức Vinh	09/02/1994	Nam	Minh Đức, Ứng Hòa	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	THCS Hoàng Liệt		
1	02	29	VC0051	Bùi Ngọc Anh	07/6/1990	Nữ	Văn Chương, Đống Đa	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học; Hóa học	GV	Hóa	THCS Tân Mai		
1	02	30	VC0052	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	21/10/2000	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Tân Mai		
1	02	31	VC0053	Đinh Hoàng Linh Chi	12/01/2000	Nữ	Thanh Nhân, Hai Bà Trưng	ĐH	Sư phạm Hóa	GV	Hóa	THCS Tân Mai		
1	02	32	VC0054	Đồng Lan Chi	03/11/2002	Nữ	Hồng Thái, Phú Xuyên	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		
1	02	33	VC0055	Đinh Văn Đạt	20/8/1992	Nam	Tuy Lai, Mỹ Đức	ĐH	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		
1	02	34	VC0056	Nguyễn Thị Xuân Giang	06/3/2002	Nữ	Thái Bình	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		
1	02	35	VC0057	Nguyễn Nhị Hà	20/9/1992	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông	Ths	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		
1	02	36	VC0058	Nguyễn Thị Hà	04/11/1994	Nữ	Đại Thành, Quốc Oai	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		
1	02	37	VC0059	Nguyễn Thị Thu Hằng	29/01/1981	Nữ	Phúc La, Hà Đông	ĐH, Ths	Công nghệ hóa học; Hóa hữu cơ + CCSP	GV	Hóa	THCS Đại Kim		
1	02	38	VC0060	Nguyễn Thị Thu Hằng	21/11/1995	Nữ	Phú Xuyên, Phú Xuyên	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học; Hóa học	GV	Hóa	THCS Đại Kim		
1	03	1	VC0061	Trần Thị Hằng	20/11/1989	Nữ	Nam Định	ĐH, Ths	Hóa học + CCSP; Hóa hữu cơ	GV	Hóa	THCS Đại Kim		
1	03	2	VC0062	Nguyễn Thu Hiền	21/12/1998	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì	Ths	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Đại Kim		

Handwritten signature/initials

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
1	03	3	VC0063	Nguyễn Thị Thúy Hòa	07/11/1994	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Đại Kim		
1	03	4	VC0064	Chữ Nguyễn Tuấn Hoàng	12/10/1999	Nam	Quỳnh Mai, Hai Bà Trưng	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học (dạy bằng Tiếng Anh); LLPP dạy môn Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		MNN
1	03	5	VC0065	Nguyễn Sơn Hoàng	18/12/1996	Nam	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Tân Mai		
1	03	6	VC0066	Lương Thị Hồng	02/11/1991	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học; LLPP dạy học bộ môn Hóa học	GV	Hóa	THCS Đại Kim		
1	03	7	VC0067	Lê Thị Thanh Huyền	19/6/2002	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hoà	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Vĩnh Hưng		
1	03	8	VC0068	Trần Diệu Huyền	22/8/2002	Nữ	Thắng Lợi, Thường Tín	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Tân Mai		
1	03	9	VC0069	Vũ Thị Khánh Huyền	23/10/1995	Nữ	Nam Định	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		
1	03	10	VC0070	Ngô Mai Hương	25/10/2002	Nữ	Phú La, Hà Đông	ĐH	Sư phạm Hóa học (dạy Hóa bằng Tiếng Anh)	GV	Hóa	THCS Đại Kim		MNN
1	03	11	VC0071	Nguyễn Thị Mai Hương	13/6/1999	Nữ	Tào Dương Văn, Ứng Hòa	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học; LLPP dạy học môn Hóa học	GV	Hóa	THCS Đại Kim		
1	03	12	VC0072	Nguyễn Thị Sông Hương	21/6/2000	Nữ	Hồng Kỳ, Sóc Sơn	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Vĩnh Hưng		
1	03	13	VC0073	Trương Thị Hương	03/01/1990	Nữ	Sài Đồng, Long Biên	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học; Hóa phân tích	GV	Hóa	THCS Vĩnh Hưng		
1	03	14	VC0074	Bùi Minh Hương	11/10/1994	Nữ	Nam Định	Ths	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		
1	03	15	VC0075	Phạm Thị Kiều	16/10/2002	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Vĩnh Hưng		
1	03	16	VC0076	Nguyễn Thị Lan	23/01/2001	Nữ	Hạ Bằng, Thạch Thất	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		
1	03	17	VC0077	Nguyễn Thị Ngọc Lan	27/7/1993	Nữ	Mỹ Thành, Mỹ Đức	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
1	03	18	VC0078	Nguyễn Thị Phương Lan	08/3/1997	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		
1	03	19	VC0079	Nguyễn Thị Phương Liên	30/01/1994	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Tân Mai		
1	03	20	VC0080	Đỗ Thị Linh	28/4/1998	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm	ĐH	Sư phạm Hóa	GV	Hóa	THCS Đại Kim		
1	03	21	VC0081	Hà Thị Mỹ Linh	27/11/1997	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Đại Kim		
1	03	22	VC0082	Hoàng Ngọc Yến Linh	01/11/2002	Nữ	Nghệ An	ĐH	Sư phạm Hoá học dạy bằng Tiếng Anh	GV	Hóa	THCS Đại Kim		MNN
1	03	23	VC0083	Hoàng Thị Hải Linh	20/10/1992	Nữ	Trương Định, Hai Bà Trưng	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Tân Mai		
1	03	24	VC0084	Phạm Thị Lý Linh	07/6/1994	Nữ	Nam Định	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm	CBB	
1	03	25	VC0085	Tô Thùy Linh	21/6/1993	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học; Hóa phân tích	GV	Hóa	THCS Tân Mai		
1	03	26	VC0086	Trần Thị Hoài Linh	09/12/1998	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Đại Kim		
1	03	27	VC0087	Nguyễn Thanh Mai	05/9/1991	Nữ	La Khê, Hà Đông	Ths	Sư phạm Hóa	GV	Hóa	THCS Đại Kim		
1	03	28	VC0088	Đào Trà My	14/7/1998	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Tân Mai		
1	03	29	VC0089	Nguyễn Thị Nga	05/4/1997	Nữ	Bắc Ninh	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học; Hóa hữu cơ	GV	Hóa	THCS Vĩnh Hưng		
1	03	30	VC0090	Bùi Hồng Ngọc	15/10/2001	Nữ	Nhị Khê, Thường Tín	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		
1	03	31	VC0091	Nguyễn Thị Bích Ngọc	21/9/1997	Nữ	Nam Đồng, Đống Đa	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học; Hóa học	GV	Hóa	THCS Tân Mai		
1	03	32	VC0092	Vũ Thị Bích Ngọc	18/12/1989	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học; Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		
1	03	33	VC0093	Nguyễn Thị Nhân	04/10/1997	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học; LLPP dạy học bộ môn Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
1	03	34	VC0094	Nguyễn Thị Quỳnh Như	08/01/1995	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Đại Kim		
1	03	35	VC0095	Nguyễn Hồng Phúc	15/4/2001	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		
1	03	36	VC0096	Lê Thu Phương	27/3/1998	Nữ	Thanh Hóa	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Tân Mai		
1	03	37	VC0097	Ngô Minh Phương	17/7/1987	Nữ	Đồng Tâm, Hai Bà Trưng	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học; LLPP dạy bộ môn Hóa học	GV	Hóa	THCS Tân Mai		
1	03	38	VC0098	Nguyễn Thị Phương	22/11/1996	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		
1	04	1	VC0099	Nguyễn Minh Phương	07/01/1997	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Hóa học, ĐH Ngôn ngữ Anh	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		MNN
1	04	2	VC0100	Hoàng Như Quỳnh	05/12/1992	Nữ	Nam Tiến, Phú Xuyên	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học; LLPP dạy học bộ môn Hóa học	GV	Hóa	THCS Vĩnh Hưng		
1	04	3	VC0101	Lương Thị Diễm Quỳnh	18/3/2002	Nữ	Nam Định	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Vĩnh Hưng		
1	04	4	VC0102	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	19/6/2002	Nữ	Vĩnh Phúc	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Vĩnh Hưng		
1	04	5	VC0103	Nguyễn Anh Tú	18/12/1998	Nam	Yên Sở, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Tân Mai		
1	04	6	VC0104	Phạm Văn Tuấn	01/5/1994	Nam	Thái Nguyên	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học; Hóa hữu cơ	GV	Hóa	THCS Tân Mai		
1	04	7	VC0105	Nguyễn Thu Thanh	17/4/2002	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		
1	04	8	VC0106	Lê Thị Thắm	12/12/1992	Nữ	Phù Đồng, Gia Lâm	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học; Hóa phân tích	GV	Hóa	THCS Vĩnh Hưng		
1	04	9	VC0107	Lưu Hoài Thu	16/6/1995	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học (dạy bằng Tiếng Anh); LLPP dạy học môn Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		MNN
1	04	10	VC0108	Nguyễn Thu Thủy	28/9/2002	Nữ	Duyên Thái, Thường Tín	ĐH	Sư phạm Hóa học (dạy Hóa bằng Tiếng Anh)	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		MNN

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
1	04	11	VC0109	Nguyễn Văn Thanh Thủy	25/8/1991	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Đại Kim		
1	04	12	VC0110	Trần Thu Thủy	06/02/2001	Nữ	Nam Định	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Tân Mai		
1	04	13	VC0111	Nguyễn Thị Thúy	28/6/1988	Nữ	Cẩm Yên, Thạch Thất	ĐH	Hóa học + CCSP	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		
1	04	14	VC0112	Công Thu Trà	14/12/1999	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		
1	04	15	VC0113	Bùi Quỳnh Trang	25/5/1996	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Đại Kim	CTB	
1	04	16	VC0114	Lại Thu Tráng	02/9/1996	Nữ	La Khê, Hà Đông	Ths	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Đại Kim		
1	04	17	VC0115	Nguyễn Thị Thanh Xuân	10/02/2001	Nữ	Nam Định	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Đại Kim		
1	04	18	VC0116	Hồ Đình Doanh	23/6/1989	Nam	Hải Dương	ĐH	Sư phạm Kỹ thuật	GV	KTCN	THCS Đại Kim		
1	04	19	VC0117	Lưu Thị Thúy Dung	08/01/1995	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh	ĐH	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	GV	KTCN	THCS Hoàng Liệt		
1	04	20	VC0118	Nghiêm Thị Hòa	23/3/1992	Nữ	Phượng Dực, Phú Xuyên	ĐH	Sư phạm Công nghệ	GV	KTCN	THCS Mai Động		
1	04	21	VC0119	Hoàng Thị Diệu Linh	08/02/2002	Nữ	Thái Bình	ĐH	Sư phạm Công nghệ	GV	KTCN	THCS Tân Mai		
1	04	22	VC0120	Phạm Thị Linh	20/11/1997	Nữ	Nguyễn Trung Trực, Ba Đình	ĐH	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	GV	KTCN	THCS Hoàng Liệt		
1	04	23	VC0121	Từ Khánh Ly	06/3/1991	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm kỹ thuật công nghiệp	GV	KTCN	THCS Yên Sở		
1	04	24	VC0122	Trần Thị Hồng Ngọc	01/12/2001	Nữ	Nam Định	ĐH	Sư phạm công nghệ	GV	KTCN	THCS Đại Kim		
1	04	25	VC0123	Nguyễn Thị Hằng	17/02/1991	Nữ	Vĩnh Phúc	ĐH	Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	GV	KTNN	THCS Đại Kim		
1	05	1	VC0124	Nguyễn Thị Thúy	28/10/1994	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	GV	KTNN	THCS Hoàng Liệt		

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
1	05	2	VC0125	Phạm Phương An	10/3/2002	Nữ	Hoàng Văn Thu, hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Thanh Trì		
1	05	3	VC0126	Lê Ngọc Anh	01/11/1991	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông	Ths	Vật lí + CCSP	GV	Lí	THCS Đại Kim		
1	05	4	VC0127	Trần Tuấn Anh	17/01/1998	Nam	Trần Phú, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Thanh Trì		
1	05	5	VC0128	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	12/11/2002	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Thanh Trì		
1	05	6	VC0129	Mai Thành Biên	17/02/1996	Nam	Nam Định	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Thanh Trì		
1	05	7	VC0130	Nguyễn Chí Công	04/5/1999	Nam	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH, Ths	Sư phạm Vật lí; Vật lí lý thuyết và Vật lí toán	GV	Lí	THCS Linh Đàm		
1	05	8	VC0131	Trần Thị Chi	20/4/1993	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Linh Đàm		
1	05	9	VC0132	Lê Thị Dung	04/3/1990	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Linh Đàm		
1	05	10	VC0133	Phùng Thị Hà	17/4/1997	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Linh Đàm		
1	05	11	VC0134	Nguyễn Mỹ Hạnh	24/11/1993	Nữ	Hải Phòng	Ths	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Đại Kim		
1	05	12	VC0135	Đoàn Thu Hằng	05/02/1998	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Đại Kim		
1	05	13	VC0136	Lê Minh Hằng	21/7/1996	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Thanh Trì		
1	05	14	VC0137	Nguyễn Thị Hoa	02/9/1997	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Đại Kim		
1	05	15	VC0138	Ngô Thanh Huyền	26/8/1997	Nữ	Bắc Ninh	ĐH, Ths	Sư phạm Vật lí; LLPP dạy học môn Vật lí	GV	Lí	THCS Đại Kim		
1	05	16	VC0139	Bùi Thu Hương	25/11/1999	Nữ	Phùng, Đan Phượng	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Đại Kim		
1	05	17	VC0140	Lê Lan Hương	11/6/1998	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông	ĐH, Ths	Sư phạm Vật lí; Vật lí lý thuyết và Vật lí toán	GV	Lí	THCS Linh Đàm		

Handwritten signature/initials

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
1	05	18	VC0141	Nguyễn Thị La	02/9/1991	Nữ	Quảng Bì, Chương Mỹ	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Linh Đàm	CTB	
1	05	19	VC0142	Nguyễn Thị Thùy Linh	24/8/2000	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Đại Kim		
1	05	20	VC0143	Thân Thị Loan	14/5/1995	Nữ	Yết Kiêu, Hà Đông	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Linh Đàm		
1	05	21	VC0144	Phạm Trà My	01/3/1997	Nữ	Bạch Mai, Hai Bà Trưng	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Linh Đàm		
1	05	22	VC0145	Đình Văn Nội	23/10/1998	Nam	Ninh Bình	ĐH, Ths	Sư phạm Vật lí; LLPP dạy học Vật lí	GV	Lí	THCS Đại Kim		
1	05	23	VC0146	Phùng Thị Mai Ngân	12/4/2002	Nữ	Nam Tiến, Phú Xuyên	ĐH	Sư phạm Vật lí (dạy Vật lí bằng Tiếng Anh)	GV	Lí	THCS Đại Kim		MNN
1	05	24	VC0147	Nguyễn Thị Ngọc	20/02/1994	Nữ	Hoàng Long, Phú Xuyên	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Đại Kim		
1	05	25	VC0148	Bùi Hoàng Nhi	22/3/2000	Nữ	Phú Lâm, Hà Đông	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Thanh Trì		
1	06	1	VC0149	Nguyễn Thị Hồng Nhung	23/7/2000	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Đại Kim		
1	06	2	VC0150	Trương Thúy Oanh	13/02/1998	Nữ	Nhị Khê, Thường Tín	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Linh Đàm		
1	06	3	VC0151	Phan Thị Phượng	28/8/1989	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	Ths	Vật lí + CCSP	GV	Lí	THCS Thanh Trì		
1	06	4	VC0152	Đình Ngọc Quý	20/6/1995	Nam	Phú Châu, Ba Vì	ĐH, Ths	Sư phạm Vật lí; Vật lí chất rắn	GV	Lí	THCS Đại Kim		
1	06	5	VC0153	Trần Phương Quỳnh	15/7/2001	Nữ	Nam Sơn, Sóc Sơn	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	GV	Lí	THCS Linh Đàm		
1	06	6	VC0154	Đình Thị Xuân Quỳnh	06/3/2001	Nữ	Quảng Ninh	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	GV	Lí	THCS Thanh Trì		
1	06	7	VC0155	Nguyễn Thu Quỳnh	20/12/1997	Nữ	Kim An, Thanh Oai	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Thanh Trì		
1	06	8	VC0156	Lê Thị Tinh	26/3/1990	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Đại Kim		

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
1	06	9	VC0157	Nguyễn Phương Thanh	09/5/1999	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Đại Kim		
1	06	10	VC0158	Mai Thị Thắm	02/12/1996	Nữ	Nghiêm Xuyên, Thường Tín	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Đại Kim		
1	06	11	VC0159	Đỗ Thị Thương	10/8/1992	Nữ	Nam Định	ĐH, Ths	Sư phạm Vật lí; Vật lí	GV	Lí	THCS Thanh Trì		
1	06	12	VC0160	Nguyễn Thị Trang	18/11/1988	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ	ĐH, Ths	Sư phạm Vật lí; Vật lí lý thuyết và Vật lí Toán	GV	Lí	THCS Thanh Trì		
1	06	13	VC0161	Vũ Thị Thu Trang	15/10/1999	Nữ	Ninh Bình	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Đại Kim	CNTB	
1	06	14	VC0162	Vũ Thị Uyên	18/02/1997	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Đại Kim		
1	06	15	VC0163	Nguyễn Thị Uyển	12/12/1994	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân	ĐH, Ths	Sư phạm Vật lí; LLPP dạy học Vật lí	GV	Lí	THCS Linh Đàm		
1	06	16	VC0164	Ngô Thị Xuyên	27/11/2001	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Thanh Trì		
1	06	17	VC0165	Đỗ Thị Dung	25/11/1993	Nữ	Tri Trung, Phú Xuyên	ĐH	Sư phạm Mĩ thuật	GV	Mĩ thuật	THCS Tân Mai		
1	06	18	VC0166	Tạ Thị Thùy Dương	25/10/1998	Nữ	Hòa Bình	ĐH	Sư phạm Mĩ thuật	GV	Mĩ thuật	THCS Đại Kim		
1	06	19	VC0167	Trần Thùy Dương	07/9/1992	Nữ	Hạ Đình, Thanh Xuân	ĐH	Sư phạm Mĩ thuật	GV	Mĩ thuật	THCS Đại Kim		
1	06	20	VC0168	Nguyễn Anh Đào	17/5/1992	Nữ	Bưởi, Tây Hồ	ĐH	Sư phạm Mĩ thuật	GV	Mĩ thuật	THCS Tân Định		
1	06	21	VC0169	Nguyễn Thị Hạnh	12/3/1992	Nữ	Phượng Dực, Phú Xuyên	ĐH	Sư phạm Mĩ thuật	GV	Mĩ thuật	THCS Hoàng Liệt		
1	06	22	VC0170	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/02/1989	Nữ	Phương Liên, Đống Đa	ĐH	Sư phạm Mĩ thuật	GV	Mĩ thuật	THCS Lĩnh Nam		
1	06	23	VC0171	Nguyễn Thu Hiền	18/7/1990	Nữ	Hòa Bình	ĐH	Sư phạm Mĩ thuật	GV	Mĩ thuật	THCS Yên Sở		
1	06	24	VC0172	Nguyễn Thị Kiều Linh	02/01/1984	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì	Ths	Hội họa + CCSP	GV	Mĩ thuật	THCS Đại Kim		

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
1	06	25	VC0173	Trần Vương Linh	10/12/1980	Nam	Tứ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	Hội họa + CCSP	GV	Mĩ thuật	THCS Tân Mai		
1	07	1	VC0174	Nguyễn Thị Thảo	14/3/1986	Nữ	Giảng Võ, Ba Đình	ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	GV	Mĩ thuật	THCS Linh Đàm		
1	07	2	VC0175	Đặng Linh Trang	12/5/1995	Nữ	Thái Bình	ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	GV	Mĩ thuật	THCS Linh Đàm		
1	07	3	VC0176	Lê Thị Vân	23/02/1985	Nữ	Hồng Hà, Đan Phượng	ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	GV	Mĩ thuật	THCS Linh Đàm		
1	07	4	VC0177	Đinh Thị Phương Anh	19/9/1999	Nữ	Ninh Bình	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Yên Sở		
1	07	5	VC0178	Đỗ Minh Anh	02/5/2002	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Lĩnh Nam		
1	07	6	VC0179	Vũ Thị Hoa Dừa	08/12/1993	Nữ	Hưng Yên	ĐH, Ths	Sư phạm Sinh học; Động vật học	GV	Sinh	THCS Hoàng Mai		
1	07	7	VC0180	Nguyễn Minh Hải	01/9/1994	Nam	Phong Vân, Ba Vì	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Linh Đàm		
1	07	8	VC0181	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	06/11/1992	Nữ	Đồng Trục, Thạch Thất	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Linh Đàm	CBB	
1	07	9	VC0182	Nguyễn Thị Thu Hạnh	04/5/1994	Nữ	Nam Định	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Linh Đàm		
1	07	10	VC0183	Lê Phương Hoa	19/01/1990	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Sinh - Hóa	GV	Sinh	THCS Linh Đàm		
1	07	11	VC0184	Nguyễn Như Huế	20/7/2002	Nữ	Tào Dương Văn, Ứng Hòa	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Lĩnh Nam	CĐCĐ	
1	07	12	VC0185	Triệu Thị Huế	26/7/1999	Nữ	Nam Định	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Hoàng Mai		
1	07	13	VC0186	Tạ Thị Hương	22/7/1996	Nữ	Hòa Thạch, Quốc Oai	ĐH	Sư phạm Sinh học (dạy Sinh học bằng Tiếng Anh)	GV	Sinh	THCS Yên Sở		MNN
1	07	14	VC0187	Trần Thùy Hương	29/6/2001	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	GV	Sinh	THCS Yên Sở		
1	07	15	VC0188	Lê Hoài Linh	20/5/1997	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm	Ths	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Linh Đàm		

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
1	07	16	VC0189	Phan Trần Khánh Linh	07/02/2001	Nữ	Nghệ An	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Linh Đàm		
1	07	17	VC0190	Trần Thị Hữu Nghĩa	26/12/2000	Nữ	Nam Định	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Yên Sở		
1	07	18	VC0191	Dương Thị Nhung	16/7/1995	Nữ	Hà Nam	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Hoàng Mai		
1	07	19	VC0192	Lê Thị Nhung	30/7/1996	Nữ	Thanh Hóa	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Linh Đàm		
1	07	20	VC0193	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	29/7/1996	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Yên sở		
1	07	21	VC0194	Nguyễn Kim Ánh Phụng	22/9/1989	Nữ	Biên Giang, Hà Đông	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Yên Sở		
1	07	22	VC0195	Nguyễn Thị Thanh Phụng	09/4/1995	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn	ĐH, Ths	SP Sinh học; Ths Sinh thái học	GV	Sinh	THCS Linh Đàm		
1	07	23	VC0196	Nguyễn Bá Sơn	21/5/2000	Nam	Văn Phú, Hà Đông	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Linh Đàm		
1	07	24	VC0197	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	29/9/2002	Nữ	Hưng Yên	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	GV	Sinh	THCS Hoàng Mai		
1	07	25	VC0198	Phạm Thị Thùy Trang	04/12/2001	Nữ	Trung Văn, Nam Từ Liêm	ĐH	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	GV	Sinh	THCS Linh Đàm		
1	08	1	VC0199	Đỗ Thúy Vân	21/5/1998	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Linh Đàm		
1	08	2	VC0200	Lê Thúy Vân	02/02/2001	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	GV	Sinh	THCS Linh Đàm		
1	08	3	VC0201	Nguyễn Thị Yển	06/5/1997	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Hoàng Mai		
1	08	4	VC0202	Đặng Lan Anh	19/5/2002	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Tân Mai		
1	08	5	VC0203	Lưu Thị Vân Anh	09/10/2000	Nữ	Bắc Giang	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Lĩnh Nam		
1	08	6	VC0204	Khuất Thị Bình	21/5/1987	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất	ĐH	Lịch sử + CCSP	GV	Sử	THCS Hoàng Liệt		

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
1	08	7	VC0205	Đỗ Thị Chanh	22/01/1998	Nữ	Bạch Hạ, Phú Xuyên	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Hoàng Mai		
1	08	8	VC0206	Bùi Linh Chi	05/7/1996	Nữ	Hà Hòa, Phú Thọ	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Lĩnh Nam		
1	08	9	VC0207	Phạm Thị Duyên	01/7/1993	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Hoàng Liệt		
1	08	10	VC0208	Trần Thị Thanh Hà	15/02/1997	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Đại Kim		
1	08	11	VC0209	Bùi Ngọc Hải	14/02/2002	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Yên Sở	DTTS	
1	08	12	VC0210	Khuất Thu Hằng	09/4/2001	Nữ	Viên Sơn, Sơn Tây	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Linh Đàm		
1	08	13	VC0211	Trần Thị Hồng	01/02/1986	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai	ĐH, Ths	Sư phạm Lịch sử; Lịch sử thế giới	GV	Sử	THCS Đại Kim		
1	08	14	VC0212	Bùi Thu Huyền	26/4/1990	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Đại Kim		
1	08	15	VC0213	Đỗ Thị Huyền	10/7/1992	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Văn - Sử	GV	Sử	THCS Tân Định		
1	08	16	VC0214	Lê Thị Huyền	01/6/1987	Nữ	Hà Nam	ĐH	Lịch sử + CCSP	GV	Sử	THCS Hoàng Liệt		
1	08	17	VC0215	Nguyễn Thị Thanh Huyền	10/02/1993	Nữ	Minh Châu, Ba Vì	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Tân Mai		
1	08	18	VC0216	Nguyễn Thanh Hương	28/8/1996	Nữ	Xuân Đình, Bắc Từ Liêm	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Tân Mai		
1	08	19	VC0217	Cao Văn Kiên	18/10/1994	Nam	Khai Thái, Phú Xuyên	ĐH	Lịch sử + CCSP	GV	Sử	THCS Hoàng Liệt		
1	08	20	VC0218	Đinh Thị Tài Linh	10/3/1998	Nữ	Phượng Dực, Phú Xuyên	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Hoàng Mai		
1	08	21	VC0219	Trần Thị Mỹ Linh	02/8/1998	Nữ	Ninh Bình	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Lĩnh Nam		
1	08	22	VC0220	Dương Khánh Ly	10/9/2001	Nữ	Hà Tĩnh	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Hoàng Liệt		

Handwritten signature

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
1	08	23	VC0221	Trần Phương Mai	29/01/2001	Nữ	Kim Sơn, Sơn Tây	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Đại Kim		
1	08	24	VC0222	Trần Thị Mơ	04/01/1997	Nữ	Hưng Yên	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Tân Mai		
1	08	25	VC0223	Nguyễn Thị Bích Ngọc	05/4/1984	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trị	ĐH, Ths	Sư phạm Lịch sử; Lịch sử thế giới	GV	Sử	THCS Hoàng Liệt		
1	08	26	VC0224	Vũ Thị Nguyên	03/4/1993	Nữ	Thái Bình	ĐH	Sư phạm Lịch sử; Ngôn ngữ Anh	GV	Sử	THCS Tân Mai		MNN
1	08	27	VC0225	Nguyễn Thị Nguyệt	17/6/1998	Nữ	Tân Tiến, Chương Mỹ	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Đại Kim		
1	08	28	VC0226	Phan Thị Hồng Nhung	05/10/1995	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Hoàng Mai		
1	08	29	VC0227	Phong Thị Nhung	11/10/1998	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Linh Đàm		
1	08	30	VC0228	Trần Thị Oanh	01/02/1987	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	Ths	Lịch sử + CCSP	GV	Sử	THCS Hoàng Liệt	CBB	
1	08	31	VC0229	Triệu Thanh Phúc	14/10/1999	Nữ	Tân Triều, Thanh Trị	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Thịnh Liệt		
1	08	32	VC0230	Hoàng Thị Phụng	28/7/1994	Nữ	Duyên Hà, Thanh Trị	ĐH	Sư phạm Lịch Sử	GV	Sử	THCS Hoàng Liệt	DTTS	
1	08	33	VC0231	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	11/9/2000	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trị	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Tân Mai		
1	08	34	VC0232	Trần Thị Tinh	11/7/1988	Nữ	Vĩnh Phúc	ĐH	Sư phạm Sử - Địa	GV	Sử	THCS Yên Sở	CBB	
1	08	35	VC0233	Đàm Phương Thanh	20/5/1995	Nữ	Đội Cấn, Ba Đình	Ths	Lịch sử + CCSP	GV	Sử	THCS Đại Kim		
1	08	36	VC0234	Tạ Thị Tho	12/9/1992	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Yên Sở		
1	08	37	VC0235	Nguyễn Thị Thơm	20/9/1990	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Lĩnh Nam		
1	08	38	VC0236	Dương Hồng Trang	14/10/2001	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trị	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Hoàng Liệt		

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
1	09	1	VC0237	Đặng Thanh Trang	10/6/1992	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức	ĐH	Lịch sử + CCSP	GV	Sử	THCS Đại Kim		
1	09	2	VC0238	Nguyễn Hiền Trang	14/12/1995	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Linh Đàm		
1	09	3	VC0239	Đàm Ngọc Trâm	19/02/1996	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Yên Sở		
1	09	4	VC0240	Cần Thị Xuân	02/3/1990	Nữ	Yên Bài, Ba Vì	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Hoàng Mai		
1	09	5	VC0241	Lê Việt An	18/12/1998	Nam	Thanh Liệt, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		MNN
1	09	6	VC0242	Bùi Thị Phương Anh	08/6/1997	Nữ	Hưng Yên	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Tân Mai		MNN
1	09	7	VC0243	Đàm Ngọc Anh	14/9/1996	Nữ	Yên Mỹ, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		MNN
1	09	8	VC0244	Lê Trang Anh	10/4/2002	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		MNN
1	09	9	VC0245	Nguyễn Hải Anh	14/7/1997	Nam	Kiến Hưng, Hà Đông	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		MNN
1	09	10	VC0246	Nguyễn Mai Anh	28/6/2000	Nữ	Đại Áng, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		MNN
1	09	11	VC0247	Nguyễn Minh Anh	06/4/2000	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		MNN
1	09	12	VC0248	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	13/7/2001	Nữ	Dũng Tiến, Thường Tín	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		MNN
1	09	13	VC0249	Nguyễn Phương Anh	10/11/1999	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		MNN
1	09	14	VC0250	Nguyễn Quảng Hải Anh	02/3/2003	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		MNN
1	09	15	VC0251	Nguyễn Quỳnh Anh	27/10/2002	Nữ	Thanh Hóa	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim	DTTS	MNN
1	09	16	VC0252	Nguyễn Thị Mai Anh	14/7/1999	Nữ	Phong Vân, Ba Vì	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Yên Sở		MNN

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
1	09	17	VC0253	Phạm Châu Anh	15/8/2002	Nữ	Nam Định	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		MNN
1	09	18	VC0254	Sư Thị Quỳnh Anh	15/10/1992	Nữ	Hoàng Liet, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		MNN
1	09	19	VC0255	Tạ Minh Anh	31/3/2001	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		MNN
1	09	20	VC0256	Trần Thị Hoài Anh	01/10/1990	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Yên Sở		MNN
1	09	21	VC0257	Vũ Nhật Anh	25/9/1997	Nữ	Đông Quang, Ba Vị	ĐH, Ths	Sư phạm Tiếng Anh; LLPP dạy học bộ môn Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		MNN
1	09	22	VC0258	Hoàng Thị Ngọc Ánh	08/02/1997	Nữ	Trương Định, Hai Bà Trưng	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liet		MNN
1	09	23	VC0259	Nguyễn Thị Ánh	15/5/1997	Nữ	Nghệ An	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		MNN
1	09	24	VC0260	Thiều Nguyễn Ngọc Ánh	13/9/2000	Nữ	Chương Dương, Hoàn Kiếm	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Mai		MNN
1	09	25	VC0261	Cao Minh Châu	05/11/1997	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Mai Động		MNN
1	09	26	VC0262	Uông Minh Châu	09/02/1998	Nữ	Trương Định, Hai Bà Trưng	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Tân Mai		MNN
1	09	27	VC0263	Nguyễn Thị Phương Chi	15/12/1996	Nữ	Văn Phú, Thường Tín	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Yên Sở		MNN
1	09	28	VC0264	Đặng Thị Chuyên	10/12/1991	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ	Ths	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		MNN
1	09	29	VC0265	Bùi Thị Dinh	15/9/1988	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		MNN
1	09	30	VC0266	Nguyễn Như Doanh	14/10/1978	Nam	Thái Bình	ĐH	Tiếng Anh sư phạm	GV	Tiếng Anh	THCS Vĩnh Hưng	CBB	MNN
1	09	31	VC0267	Lê Hải Dung	23/11/1993	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa	ĐH	Quốc tế học - Tiếng Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		MNN
1	09	32	VC0268	Nguyễn Ngọc Dung	20/4/2001	Nữ	Đồng Nhân, Hai Bà Trưng	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Định Công		MNN

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
1	09	33	VC0269	Phạm Thị Dung	01/11/1989	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trị	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		MNN
1	09	34	VC0270	Lê Thị Duyên	14/12/1992	Nữ	Lê Lợi, Thường Tin	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		MNN
1	09	35	VC0271	Trần Vũ Đăng	13/02/2000	Nam	Nguyễn Trãi, Thanh Xuân	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		MNN
1	09	36	VC0272	Trần Thị Thu Hà	02/12/1996	Nữ	Phú Minh, Phú Xuyên	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		MNN
1	09	37	VC0273	Hoàng Minh Hải	20/7/2000	Nữ	Hà Giang	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim	DTTS	MNN
1	09	38	VC0274	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	07/01/1995	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		MNN

Tổng danh sách 274 thí sinh (từ SBD: VC0001 đến VC0274)